TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/10/2019.
V/v: "Không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huynh.

Bà Mai Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 649/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về việc "*Không công nhận vợ chồng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 253/33/2/1 ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 253/33/2/1 ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2002, được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng cả hai không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở ngoài. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2011. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao hai con chung cho anh Nguyễn Văn H

chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, được hai gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng về các vấn đề trong cuộc sống, chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở bên ngoài. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì anh và chị H tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2011. Sau khi ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Chị H và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay các đương sự xin ly hôn, do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H. Về con chung đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Do chị H, anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là *"Không công nhận vợ chồng"*.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý, cùng nhau xây dựng gia đình và đủ điều kiện để kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là trái với quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm

2000 thì "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Tại Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng" và tại hướng dẫn điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì "Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội họ không được công nhận là vợ chồng; nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án để giải quyết và áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, bằng bản án tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng".

Quá trình chung sống giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của hai người không hợp nhau, không thống nhất được với nhau về các vấn đề trong gia đình, đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2011 cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2011 cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005466 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị H phải nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Sỹ Tuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, BP, TP(H).